| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN THỐT NỐT**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30.7.2019
V/v: "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng".

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
*1.* Bà Phạm Kim Tuyến
*2.* Bà Lê Cẩm Huỳnh
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Ông Võ Long Hải - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 263/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc: "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị ***Trần Thị P*** sinh năm 1983
Trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Z, thành phố Cần Thơ.
2. *Bị đơn*: Anh ***Lê Văn H*** sinh năm 1985
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ
3. *Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*:
*3.1.* Cháu ***Lê Thị Kim A*** sinh ngày 05.01.2011
*3.2.* Cháu ***Lê Văn T*** sinh ngày 22.6.2018
*(con chung đang sống với anh H; và do anh H là người giám hộ)*.

*(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09.5.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày*:

Do quen biết và yêu thương nhau nên vào năm 2010, chị với anh Lê Văn H tự nguyện chung sống như vợ chồng mà không tổ chức lễ cưới cũng như không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cải vả, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cự cải nên từ chị Pha đi làm thuê và sống ly thân với anh H từ đó đến nay.

Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên Lê Thị Kim A, sinh ngày 05.01.2011 và Lê Văn T, sinh ngày 22.6.2018, hiện các con đang sống với anh H và bên nội tại khu vực A, phường B, quận T.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị Pha khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Văn H; Yêu cầu ổn định cho anh H được quyền nuôi con chung tên Lê Thị Kim A và Lê Văn T đến trưởng thành - chị yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con.

** Tại tờ tự khai ngày 19.7.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Lê Văn H trình bày*:

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị P về hôn nhân, con chung, cũng như vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Cụ thể: vào năm 2010 anh và chị P tự nguyện chung sống như vợ chồng mà không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Thực tế anh chị đã ly thân từ đầu năm 2019 nhưng theo anh thì mâu thuẫn vợ chồng không lớn nhưng chị P tự ý đi làm thuê nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung gồm Lê Thị Kim A và Lê Văn T, hiện đang sống với anh H tại khu vực A, phường B, quận T.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

*Do* chị P và anh H không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Nhưng, có tổ chức hòa giải, đối chất và phân tích, giải thích theo quy định của pháp luật về vấn đề liên quan *(con chung)* để các đương sự hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình và để tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề liên quan trong vụ kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Ý kiến của Kiểm sát viên*:

./ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định;

./ Về nội dung: Do các đương sự không đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự; Ổn định cho anh H được quyền nuôi con chung Lê Thị Kim A và Lê Văn T đến trưởng thành, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Trần Thị P với anh Lê Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, không tổ chức lễ cưới cũng như không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị không hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị P làm đơn ly hôn đối với anh H, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Trần Thị P và bị đơn anh Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh H thống nhất khai: anh chị tự nguyện chung sống từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn - điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B, quận T và Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z *(bút lục: 36, 37)* nên có căn cứ xác định giữa chị P với anh H không đăng ký kết hôn là sự thật.

Chị P xin được ly hôn. Xét hôn nhân là tự nguyện, tiến bộ một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng với nhau. Ban đầu cả hai có ý chí xây dựng cuộc sống gia đình lâu dài nhưng quá trình chung sống anh chị chưa thật sự hiểu và thông cảm nhau, do hoàn cảnh khó khăn nên từ đầu năm 2019 chị P đi làm thuê phụ giúp gia đình và sống ly thân với anh H từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân, anh chị không có biện pháp hàn gắn để trở về sum họp nên chị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn thì anh H thống nhất đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế các đương sự đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay; suốt thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, tình cảm của anh chị đã thật sự rạn nứt nhưng vì anh chị không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm khoản 1 điều 9, điều 14 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh H mà tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Trần Thị P với anh Lê Văn H là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên gồm Lê Thị Kim A, sinh ngày 05.01.2011 và Lê Văn T, sinh ngày 22.6.2018. Ngoài ra anh chị không có con nuôi hay con riêng nào khác, điều này phù hợp với Giấy khai sinh của cháu Kim A và cháu T nên có căn cứ xác định các cháu là con chung của chị P với anh H là sự thật.

Theo đó, anh H yêu cầu được quyền nuôi con - chị P đồng ý. Điều này không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của các cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu Kim A yêu cầu được tiếp tục sống với anh H, bởi suốt thời gian qua và hiện nay cháu vẫn liên tục sống cùng cha, được sự chăm sóc từ anh H và gia đình bên nội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Trần Thị P phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, khoản 1 điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 điều 9, điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Trần Thị P với anh Lê Văn H là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Anh Lê Văn H được quyền nuôi 02 con chung tên Lê Thị Kim A, sinh ngày 05.01.2011 và Lê Văn T, sinh ngày 22.6.2018 đến trưởng thành. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị P thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/004866 ngày 05.7.2019 được chuyển thành án phí. Chị P đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận***:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền